

Số: 157/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra
chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế, mã số: 7310101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2025 - 2026.

Điều 3. Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Khoa Chính trị học và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa CTH.



GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng

**MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ**

(Ban hành theo Quyết định số 157/QĐ-HVTTNVN ngày 06 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
- Tên, mã số ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Kinh tế
- + Tên tiếng Anh: Economics
- + Mã số ngành đào tạo: 7310101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Triết lý và Mục tiêu chương trình đào tạo

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế nhằm đào tạo cử nhân Kinh tế có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng; có kỹ năng tin học, tiếng anh giao tiếp và chuyên môn thành thạo trở nên; có các kiến thức chuyên sâu về kinh tế trong bối cảnh kinh tế số; có các kỹ năng và công cụ phân tích kinh tế chuyên sâu, hiện đại và có đủ năng lực nghiên cứu, phân tích các chính sách kinh tế và quyết định kinh doanh ở nhiều cấp độ khác nhau; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc và tiếp tục học ở bậc cao hơn.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nhằm trang bị cho người học có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm gắn với đặc thù của Học viện, cụ thể:

PO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỹ năng, nghiệp vụ Đoàn, Hội, Đội, khoa học quản lý... đồng thời am hiểu các khoa học xã hội và nhân văn, có khả năng vận dụng vào công việc liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

- PO2: Trang bị cho người học các kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết, mô hình kinh tế và kinh doanh, có khả năng vận dụng các kiến thức này vào việc phân tích và đánh giá các chính sách, các quyết định kinh tế và kinh doanh trong thực tiễn.

- PO3: Có kỹ năng sử dụng các công cụ định tính và định lượng, các phần mềm chuyên dụng nhằm hỗ trợ công việc phân tích kinh tế, kinh doanh và các lĩnh vực liên quan khác; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học hiệu quả trong công việc.

- PO4: Có phẩm chất đạo đức, có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh, quản lý và có thể theo học ở bậc cao hơn.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam công bố đầu năm dương lịch.

- Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển; Xét tuyển

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 250

- Chỉ tiêu: 150

- Hình thức đào tạo: Chính quy - tập trung

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (KT)

- **PLO1:** Hiểu được những hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những kiến thức cơ bản, cần thiết về khoa học xã hội và nhân văn.

- **PLO2:** Vận dụng các kiến thức cơ bản về toán kinh tế, nguyên lý thống kê, kinh tế lượng, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính, tiền tệ, kế toán, quan hệ lao động, quản trị, văn hoá doanh nghiệp, thống kê vào giải quyết và dự đoán các vấn đề kinh tế.

- **PLO3:** Vận dụng những kiến thức căn bản về kinh tế quốc tế, đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế số, kinh tế thương mại, kinh tế công cộng và quản trị thay đổi vào phân tích các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp và chủ thể kinh tế khác trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phân tích được tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và tình hình kinh tế - xã hội, chính sách, quyết định của Chính phủ, các doanh nghiệp. Phân tích được thực tiễn hội nhập và chuyển đổi số, sự ảnh hưởng của chính sách kinh tế đến sự phát triển bền vững của đất nước, địa phương và doanh nghiệp.

4.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (KN)

- **PLO4:** Có khả năng sử dụng các công cụ, các phương pháp định tính và định lượng để thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin kinh tế trong phân tích các vấn đề kinh tế và quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- **PLO5:** Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để giải quyết hiệu quả công việc chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán và kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn.

- **PL06:** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc: nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở nên.

- **PLO7:** Sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu và sử dụng internet cơ bản, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các mô hình kinh tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế trong hoạt động chuyên môn.

4.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm (TC)

- **PLO8:** Có tinh thần tự chủ, độc lập trong học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ. Có đủ sức khỏe và nghị lực để làm việc trong môi trường cạnh tranh, hội nhập và phát triển. Có chính kiến, có tinh thần chủ động trong việc thực hiện các công việc theo chức trách được giao.

- **PLO9:** Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và quy chế làm việc của tổ chức; có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội; có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, thái độ tích cực trong công việc, hợp tác với đồng nghiệp.

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Kinh tế có thể làm việc ở các vị trí sau:

Nhóm 1: Chuyên viên phân tích, tư vấn, đàm phán về kinh tế: Có đủ năng lực để làm việc tại các tổ chức kinh tế chính trị - xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc tế tại Việt

Nam; các doanh nghiệp và tập đoàn kinh tế. Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm như: chuyên viên phân tích, nghiên cứu, dự báo thị trường; tham gia đàm phán, phản biện và hoạch định chính sách; tham gia tư vấn, giám sát việc triển khai các quyết định quản lý; các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà đàm phán, tư vấn chuyên nghiệp, các nhà hoạch định chính sách.

Nhóm 2: Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế.

Nhóm 3: Trở thành những nhà khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, hoặc làm việc trong các bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

5.1. Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra vào mục tiêu chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	PO1	PO2	PO3	PO4
1	PLO1	3	0	0	0
2	PLO2	0	3	0	3
3	PLO3	3	3	0	0
4	PLO4	0	0	3	0
5	PLO5	3	0	0	3
6	PLO6	0	0	2	3
7	PLO7	0	0	0	3
8	PLO8	2	2	0	2
9	PLO9	2	0	0	3

Ghi chú: 0: không có đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao

5.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

TT	Bộ CĐR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
	HP										
1	Triết học Mác-Lênin		3	-	-	-	2	-	-	-	3
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		3	-	-	-	2	-	-	-	3
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		3	-	-	-	2	-	-	-	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh		3	-	-	-	2	-	-	-	3
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		3	-	-	-	2	-	-	-	3
6	Pháp luật đại cương		2	-	-	-	2	-	-	-	3
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	-	-	-	2	-	-	-	2
8	Khoa học quản lý		2	-	-	-	2	-	-	-	2
9	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên		2	-	-	-	2	-	-	-	2
10	Kỹ năng tổ chức hoạt động thanh thiếu niên		2	-	-	-	2	-	-	-	3
11	Khởi nghiệp trong thanh niên		-	3	3	-	3	-	-	2	-

TT	Bộ CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
	HP										
12	Toán kinh tế		-	3	-	-	-	-	3	2	-
13	Xác suất thống kê		2	-	-	-	-	-	2	-	2
14	Tin học đại cương		2	2	-	-	-	-	3	-	2
15	Tiếng Anh 1		2	-	-	-	-	2	-	-	3
16	Tiếng Anh 2		2	-	-	-	-	2	-	-	3
17	Tiếng Anh 3		2	-	-	-	-	2	-	-	2
18	Tâm lý học đại cương		2	-	-	-	-	2	-	-	3
19	Xã hội học đại cương		2	-	-	-	-	2	-	-	3
20	Logic học đại cương		2	-	-	-	-	2	-	-	3
21	Mỹ học Mác-Lênin		2	-	-	-	-	2	-	-	3
22	Kinh tế học vi mô		-	3	3	3	-	-	-	2	-

TT	Bộ CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
	HP										
23	Kinh tế học vĩ mô		-	3	3	3	-	-	-	2	-
24	Nguyên lý thống kê trong kinh tế và kinh doanh		-	3	3	3	-	-	-	2	-
25	Lịch sử các học thuyết kinh tế		-	3	-	-	2	-	-	-	3
26	Nguyên lý kế toán		-	3	-	2	-	-	-	2	-
27	Lý thuyết Tài chính – tiền tệ		-	3	-	-	-	-	2	2	-
28	Kinh tế lượng		-	3	2	2	-	-	3	2	-
29	Lịch sử kinh tế Việt Nam		-	3	-	-	2	-	-	-	3
30	Quản trị xung đột và đàm phán		-	3	-	-	3	-	-	3	-
31	Kỹ năng chuyển đổi số		-	3	2	-	3	-	-	3	-
32	Thiết kế - phát triển tổ chức		-	-	2	-	2	-	-	3	-
33	Luật cạnh tranh		-	3	-	2	2	-	-	3	-

TT	HP	Bộ CDR	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
34		Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	-	3	-	-	3	-	-	3	-
35		Kinh tế phát triển	-	-	3	-	3	-	-	2	-
36		Kinh tế quốc tế	-	-	3	-	3	-	-	2	-
37		Kinh tế công cộng	-	3	-	-	2	-	-	2	-
38		Kinh tế đầu tư	-	-	3	-	2	-	-	3	-
39		Kinh tế thương mại	-	-	3	-	2	-	-	3	-
40		Kinh tế học bền vững	-	-	3	-	2	-	-	3	-
41		Kinh tế lao động	-	3	-	-	3	-	-	-	2
42		Kinh tế số	-	3	-	-	-	-	3	-	2
43		Phân tích tài chính doanh nghiệp	-	-	3	3	-	-	3	2	-
44		Luật kinh tế	-	3	-	2	2	-	-	2	-





TT	HP	Bộ CDR	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
45	Quản lý nhà nước về kinh tế		-	-	2	-	-	-	2	2	-
46	Thực tập nghiệp vụ kinh tế		-	-	3	3	-	-	-	3	-
47	Quản trị thương hiệu		-	-	2	-	3	-	-	3	-
48	Quản trị thay đổi		-	2	-	-	-	-	-	3	-
49	Quản trị rủi ro		-	2	-	-	3	-	-	3	-
50	Quản trị chuỗi cung ứng		-	3	-	-	3	-	-	2	-
51	Thương mại điện tử		-	-	2	2	3	-	-	3	-
52	Lập dự án đầu tư		-	-	2	2	3	-	-	3	-
53	Trách nhiệm xã hội của DN		-	3	-	-	2	-	-	-	3
54	Thực tập tốt nghiệp		-	-	3	3	-	-	-	3	3

6.1. Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam./.

